

THÁI ĐỘ VÀ ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY NGƯỜI HỌC SỬ DỤNG TRUYỆN NGẮN ĐỂ VIẾT VĂN LUẬN BẰNG TIẾNG ANH (TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP): NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ SÀI GÒN HỢP ĐIỂM

Nguyễn Trường Giang¹,
Trần Tuyên²,
Nguyễn Thị Minh Hiếu³,
Nguyễn Đình Như Hà²⁺

¹Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh;
²Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;
³Trường Đại học Văn Hiến Thành phố Hồ Chí Minh
+Tác giả liên hệ • Email: nguyenhahitc@gmail.com

Article history

Received: 04/12/2021

Accepted: 20/01/2022

Published: 05/02/2022

Keywords

Writing, short stories,
motivation, attitude, English
essay

ABSTRACT

The study aims to investigate the technique of using short stories to motivate intermediate EFL learners in essay writing. This study involved 45 intermediate learners of English. Both quantitative and qualitative data were gathered from the questionnaire and semi-structured interviews. The findings regarding the attitudes of the learners and factors motivating them in their essay writing through using short stories are mostly positive. In terms of attitudes, the most dominant aspect was affective attitudes which had the highest mean score among the components while behavioral and cognitive components were considered to be less influential on the learners. Concerning motivation of the learners, the extrinsic motivation seemed to be prevailing whereas intrinsic motivation had inferior influence. Based on the findings, some recommendations for the learners and teachers are accordingly put forward.

1. Mở đầu

Trong bốn kỹ năng trong việc học tiếng Anh (TA), viết được xem là kỹ năng khó khăn nhất. Trong khi đó, kỹ năng viết còn là kỹ năng thực hành, là một phần đặc biệt trong giao tiếp, cho người học những cơ hội đưa ra những cảm xúc, ý tưởng và những kiến thức được học dưới dạng mặt chữ. Tuy nhiên, hầu hết người học TA đều tiếp nhận những phương pháp dạy khá truyền thống và chưa phù hợp trong suốt thời gian học, điều này dẫn đến sự mất đi động lực học của người học trong việc trau dồi ngôn ngữ cũng như thiếu đi tư duy phản biện khi viết. Ngoài ra, những tài liệu mà GV sử dụng trên lớp còn khá rắc rối vì người học thường bị ép buộc phải học những chủ đề trùng lặp và với các chủ đề quá quen thuộc đến mức nhàm chán khi luyện tập viết. Điều đó có thể hiểu là người học không được trao những cơ hội để đưa ra tư duy phản biện riêng của cá nhân trong mỗi bài học cũng như họ thiếu đi cảm hứng trong việc đọc sách. Thêm vào đó, mục tiêu của việc học hoặc dạy TA là để giúp cho người học có thể trở thành những người có thể sử dụng được ngôn ngữ này để giao tiếp thành thạo. Cách tiếp cận đó trong việc học và dạy nên thể hiện được giá trị cao hơn trong việc dạy mà có thể khơi gợi được cảm hứng, thái độ tích cực cũng như những mặt tốt khác từ bên trong của người học.

Có khá nhiều tranh luận được đưa ra về lợi ích của việc sử dụng các công cụ giảng dạy hiệu quả để tạo động lực cho người học có thể viết một cách hiệu quả. Những công cụ đó có thể là thơ, kịch, tiểu thuyết, nhạc, phim hay thậm chí là truyện ngắn (TN) trong việc giảng dạy TA ngày nay. Dù mỗi thể loại đều có những mặt lợi ích khác nhau trong khóa học, nhưng nghiên cứu gần đây cho thấy rằng việc kết hợp TN trong giảng dạy TA vượt trội hơn hẳn. Ellis và Brewster (1991) đưa ra khá nhiều nguyên nhân để các GV có thể sử dụng những mẫu truyện quen thuộc và gắn gũi vào các lớp học TA. Trước hết, những câu chuyện có thể nâng cấp kiến thức nền và kinh nghiệm sống của người học vì những câu chuyện đó đều mang đến cho họ những động lực và niềm vui, giúp mang đến thái độ tích cực hơn với ngôn ngữ cần học. Bên cạnh đó, thông qua các câu chuyện, người học còn có được những cơ hội phát triển tính kiên trì trong việc học TA, đặc biệt là trong kỹ năng viết.

Trong phạm vi nghiên cứu này, dựa vào sự hữu dụng của những TN quen thuộc bằng TA trong việc thúc đẩy phát triển kỹ năng viết, câu hỏi nghiên cứu được đặt ra như sau: (1) Thái độ của người học đối với việc sử dụng TN bằng TA để nâng cấp kỹ năng viết luận là gì? (2) TN có thể thúc đẩy người học TA trong việc viết luận như thế nào?

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nhìn chung, có rất nhiều nghiên cứu trong việc sử dụng TN để dạy ngôn ngữ. Một nghiên cứu của Krashen và Terrell (1983) cho thấy những tác động có ý nghĩa tích cực của nhiều thể loại truyện đến với người đọc. Họ cho rằng, nhiều nhà tâm lý học đã xác nhận việc các câu chuyện cổ tích, truyện thần thoại cũng như truyện ngụ ngôn luôn được yêu thích một cách tự nhiên bởi hầu hết mọi người (đặc biệt là trẻ em), vì những câu chuyện đó đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nên trí tưởng tượng cũng như tri thức trong cuộc sống. Thế giới huyền ảo trong những câu chuyện đó còn mang đến cho con người những câu trả lời mà không thể có được trong cuộc sống thật. Hơn nữa, ý nghĩa của những câu chuyện đó còn là những công cụ ảnh hưởng đến đời sống xã hội của con người. Ngoài ra, những câu chuyện thần thoại và huyền thoại còn dạy cho trẻ em những điều cơ bản trong lối sống, tạo ra những quan điểm về cội nguồn cũng như mục đích vận hành của thế giới mà chúng đang sống.

Trong một nghiên cứu về việc luyện tập các kỹ năng viết TA được tiến hành bởi Hasan và Akhand (2010), họ tìm ra rằng những hoạt động được thực thi trong việc viết văn luận đã chỉ ra các GV đã không giúp học viên (HV) có đủ động lực trong việc học (70% các GV đều dịch những từ khó sang tiếng mẹ đẻ). Ngoài ra, hai nhà nghiên cứu còn tìm thấy được các GV không có được sự thoải mái trong việc dạy viết văn luận vì HV thiếu năng lực ngôn ngữ cần thiết đối với ngôn ngữ đang học. Họ cũng nhấn mạnh rằng, HV vẫn chưa đủ điều kiện về kỹ năng viết và họ khó tiếp nhận được động lực từ chính những GV dạy viết.

Về phương diện thái độ của HV, có khá nhiều học giả như Graham và Harris (1989), Bruning và Horn (2000), và cả Kotula et al. (2014) đã nghiên cứu ra rằng, có một sự gắn kết rất tích cực giữa quá trình luyện viết và thái độ của người học trong việc luyện tập kỹ năng viết. Tương tự, McKenna et al. (1995) đã tìm ra trong nghiên cứu của họ rằng, nếu người học có được thái độ tích cực khi luyện viết thì họ sẽ có được xu hướng cao hơn trong việc luyện tập viết một cách hiệu quả hơn so với những HV có thái độ tiêu cực. Trong một nghiên cứu mình, Leable (2014) đã quan sát và khẳng định rằng thái độ của một đứa trẻ có thể đóng vai trò chính trong quá trình viết và cũng có thể ảnh hưởng đến động lực và kỹ năng viết của chính đứa trẻ đó, và điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực trong kỹ năng viết thông qua ảnh hưởng của nó đến với thành tố nhận thức trong thái độ của người học. Ngoài ra, thái độ của người học là một trong những nhân tố tiên quyết ảnh hưởng trực tiếp đến kỹ năng viết TA (Hashemian & Heidari, 2013). Điều đó có thể hiểu rằng, một trong những cách hữu hiệu nhất để cải thiện kỹ năng viết TA cũng như thái độ tích cực của HV đó chính là phải xóa dần đi những suy nghĩ tiêu cực. Bên cạnh đó, Ansarimoghaddam và Tan (2014) đã so sánh cách những sinh viên đại học suy nghĩ về kỹ năng viết giữa tiếng mẹ đẻ và TA, để tìm ra mối tương quan giữa thái độ tích cực và sự thích thú trong viết TA. Kết quả của cuộc nghiên cứu đã cho thấy rằng, những sinh viên tham gia thích viết TA hơn viết bằng tiếng mẹ đẻ sẽ có mật độ sử dụng TA nhiều hơn trong việc thực thi các công việc liên quan đến viết TA.

2.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

- *Địa bàn và đối tượng nghiên cứu:* Nghiên cứu này được tiến hành ở hai cơ sở chính của Trung tâm ngoại ngữ Sài Gòn Hợp Điểm. Trung tâm này được thành lập vào năm 2000 và là nơi để các HV đến để tiếp thu kiến thức và thực hành TA nhằm mục đích du học, giao tiếp hoặc thi các chứng chỉ quốc tế như IELTS, TOEIC, SAT. Các HV ở trung tâm hầu hết là những HS khá, giỏi ở các trường trong TP. Hồ Chí Minh, và rất nhiều trong số HV đó đều có tiềm năng rất cao để đi du học tại các trường phổ thông và trường đại học nổi tiếng ở châu Âu, Mỹ, Singapore. Hơn hết, có rất nhiều HV ở trung tâm đã đạt được các điểm số rất cao trong các kì thi quốc tế như IELTS, SAT và nhận được các học bổng danh giá như ASTAR, NUS, NTU ở Singapore.

Đối tượng khảo sát trong nghiên cứu này bao gồm 45 HV TA tại Trung tâm ngoại ngữ Sài Gòn Hợp Điểm ở 4 lớp khác nhau, và trình độ được chọn là trung cấp. Các đối tượng chủ yếu là HS ở các trường THCS hoặc THPT, một số ít là sinh viên đang học tại các trường đại học.

- *Bảng câu hỏi:* Bảng câu hỏi được sử dụng trong nghiên cứu này dựa trên thang đo Likert và các câu hỏi đóng. Lợi thế trong việc sử dụng thang đo Likert là các câu hỏi được đưa ra với cường độ khác nhau để các đối tượng khảo sát có thể trả lời một cách nhanh chóng và hiệu quả. Cụ thể hơn, thang đo Likert 5 điểm cũng được dùng trong bảng câu hỏi vì nó được xem là ít đem đến sự phân vân cũng như gia tăng mức độ trả lời, và nó cũng đáng tin cậy trong các cuộc khảo sát (Jenkins & Taber, 1977). Ngoài ra, nó còn hỗ trợ cho người nghiên cứu thu thập và tổng hợp dữ liệu một cách dễ dàng hơn. Với các câu hỏi đóng, chúng được sử dụng trong nghiên cứu vì có thể đưa ra nhiều phương diện tích cực như tiết kiệm thời gian và chi phí, tiến hành dễ dàng và hữu dụng khi kiểm tra các giả định. Các thành phần trong bảng câu hỏi trong nghiên cứu này được hình thành theo thang đo Likert với 5 thang điểm được sắp xếp như sau: “hoàn toàn không đồng ý”, “không đồng ý”, “không có ý kiến”, “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý”.

- *Phỏng vấn*: Hình thức được sử dụng trong nghiên cứu này là phỏng vấn bán cấu trúc với 8 câu hỏi mở. Trong đó, các câu hỏi từ (1) đến (4) nhằm tìm hiểu thái độ của HV về việc sử dụng các TN để nâng cấp kỹ năng viết luận, các câu hỏi từ (5) đến (8) có mục đích tìm ra những nhân tố tạo ra động lực để các HV viết văn luận TA qua các TN.

- *Thời gian nghiên cứu*: tháng 11/2021.

2.3. Kết quả và bàn luận

2.3.1. Thái độ của học viên trong việc sử dụng truyện ngắn để nâng cấp kỹ năng viết luận

- *Thái độ tình cảm (bảng 1)*:

Bảng 1. Thái độ tình cảm của HV với việc sử dụng TN bằng TA cho kỹ năng viết luận

STT	Thái độ tình cảm	N=45	
		M	SD
1	Tôi thấy hứng thú một cách chủ động trong việc sử dụng TN để sử dụng cho luyện tập viết luận	3,73	,688
2	Sau khi sử dụng TN, tôi thấy tự tin hơn khi viết luận	3,51	,787
3	Tôi thấy là đã học được rất nhiều bài học giá trị từ TN để sử dụng cho kỹ năng viết luận	3,82	,614
4	Tôi thấy rằng việc viết luận thoải mái, thú vị hơn sau khi đọc TN	3,84	,824
5	Tôi cảm thấy rằng sử dụng TN giúp tôi viết hiệu quả hơn nhiều	3,87	,894
6	Tôi cảm thấy rằng có thể viết tốt hơn nhiều nếu tôi đọc TN thường xuyên hơn	3,84	,796
Tổng cộng		3,77	,77

Bảng 1 cho thấy, thái độ tình cảm của HV đối với việc sử dụng TN bằng TA trong việc nâng cao khả năng viết luận được đánh giá qua 6 mục. Hầu hết thái độ yêu thích của HV khi sử dụng TN bằng TA để nâng cao khả năng viết luận là tích cực với mức trung bình cao ($M = 3,77$; $SD = ,77$). Điểm trung bình (ĐTB) nằm trong khoảng từ 3,51 đến 3,87, điều này cho thấy rằng việc sử dụng TN bằng TA ảnh hưởng rất khả quan đến khả năng viết của HV.

ĐTB cao nhất thuộc về mục 5 ($M = 3,87$; $SD = ,894$), chỉ ra HV hầu hết đều đồng ý rằng việc sử dụng TN sẽ giúp họ viết hiệu quả hơn. Thêm vào đó, phần lớn HV nhận thấy việc viết bài văn thú vị hơn nhiều sau khi đọc TN (mục 4; $M = 3,84$; $SD = ,824$) và cảm thấy rằng họ có thể viết tốt hơn nếu đọc TN thường xuyên hơn (mục 6; $M = 3,84$; $SD = ,796$). Nhờ những câu chuyện ngắn TA, hầu hết HV nhận thấy họ đã học được rất nhiều bài học có giá trị sâu sắc để sử dụng cho việc viết luận (mục 3; $M = 3,82$; $SD = ,614$). Hơn nữa, họ đồng ý rằng, họ rất hứng thú một cách chủ động với việc sử dụng TN để luyện viết văn (mục 1; $M = 3,73$; $SD = ,688$). Người học cũng thừa nhận rằng họ cảm thấy tự tin hơn khi viết bài luận sau khi đọc TN (mục 2, $M = 3,51$; $SD = 7,87$).

Để minh họa rõ hơn thái độ tình cảm của HV trong việc sử dụng TN viết luận, dữ liệu định tính thu thập được từ cuộc phỏng vấn cũng được sử dụng. Một số câu trả lời khá tích cực từ cuộc phỏng vấn như sau: “*Tôi nghĩ mình có thể viết hiệu quả hơn vì TN chứa đựng các chủ đề trong bài viết của tôi và giúp tôi có những ý tưởng rõ ràng cho bài viết của mình. Bên cạnh đó, nó giúp tôi gợi nhớ lại kinh nghiệm của bản thân để viết dễ dàng hơn. Hơn nữa, các bài văn cung cấp cho tôi nhiều từ vựng hơn để tôi áp dụng vào bài viết của mình một cách hiệu quả*” (S2).

- *Thái độ hành vi (bảng 2)*:

Bảng 2. Thái độ hành vi của HV đối với việc sử dụng TN cho kỹ năng viết luận

STT	Thái độ hành vi	N=45	
		M	SD
7	Tôi luôn ghi chú lại những từ vựng, cụm từ hữu ích để sử dụng cho bài viết của tôi khi tôi đọc TN	3,56	,785
8	Tôi dành nhiều thời gian hơn trong việc luyện tập viết luận	3,62	,860
9	Tôi có thể tập trung tốt hơn khi đọc TN để nâng cấp khả năng tư duy cho việc viết luận	3,76	,830
10	Tôi chủ động luyện tập viết nhiều hơn sau khi đọc các TN trên lớp	3,60	,939
11	Tôi hi vọng có nhiều cơ hội hơn để sử dụng TN trong các lớp học viết của tôi	3,56	,841
12	Tôi chủ động tìm thêm nhiều TN hơn để đọc nhằm hỗ trợ phát triển kỹ năng viết của tôi	3,31	,874
Tổng cộng		3,57	,85

Bảng 2 cho thấy, thái độ hành vi của HV trong việc sử dụng TN cho mục đích viết bài văn luận, và nó cũng được đánh giá qua 6 mục. Trong bảng, ĐTB của thái độ hành vi khá cao ($M = 3,57$; $SD = ,85$), có nghĩa là hầu hết HV có thái độ hành vi tích cực đối với việc sử dụng TN để nâng cao kỹ năng viết. Phạm vi ĐTB dao động từ 3,56 đến 3,76 (ngoại trừ mục 12 có ĐTB là 3,31).

Với ĐTB cao nhất, hầu hết những người tham gia đều chấp nhận rằng họ tập trung cao hơn khi đọc TN để nâng cao kỹ năng viết (mục 9; $M = 3,76$; $SD = ,830$). Xếp hạng thứ hai của ĐTB thuộc về mục 8, cho thấy HV đã dành nhiều thời gian hơn cho việc thực hành bài luận ($M = 3,62$; $SD = ,860$). Với ĐTB thấp hơn, mục 10 cho thấy rằng hầu hết HV chủ động thực hành viết nhiều hơn sau khi sử dụng các câu chuyện ngắn trong lớp của họ ($M = 3,60$; $SD = ,939$). Hơn nữa, với đa số đồng tình, HV tiết lộ rằng họ luôn ghi chú những từ, cụm từ hữu ích để sử dụng trong bài viết của mình khi đọc TN (mục 7; $M = 3,56$; $SD = ,785$). Tương tự như vậy, với ĐTB như nhau, hầu hết HV mong đợi có nhiều cơ hội sử dụng TN hơn trong các lớp viết của họ (mục 11; $M = 3,56$; $SD = ,841$). Với ĐTB thấp nhất trong lĩnh vực thái độ này, phải thừa nhận rằng HV chủ yếu có quan điểm trung lập về việc tìm những TN thú vị hơn để đọc nhằm nâng cao kỹ năng viết của họ (mục 12; $M = 3,31$; $SD = ,874$).

Phù hợp với dữ liệu định lượng thu thập được từ bảng câu hỏi, dữ liệu định tính cũng được sử dụng để hỗ trợ thái độ hành vi khá lạc quan của HV. Từ cuộc phỏng vấn, các HV đã có một số nhận xét tích cực về sự tập trung khi sử dụng TN trong lớp học viết của họ: “*Đọc TN để viết luận đòi hỏi sự tập trung cao hơn cách đọc thông thường vì tôi phải đọc chậm và chú ý đến từng chi tiết nhỏ của câu chuyện, nếu không cẩn thận sẽ rất dễ bị bỏ sót*” (S1).

- *Thái độ nhận thức*: Loại thái độ này thể hiện niềm tin và quan niệm của HV, và bảng 3 cung cấp thông tin về thái độ nhận thức đối với việc sử dụng TN bằng TA trong viết luận. Có thể thấy, ĐTB của thành phần thái độ này khá cao ($M = 3,61$; $SD = ,82$). Điều này cho thấy, thái độ nhận thức tích cực của HV trong việc sử dụng TN cho kỹ năng viết của họ.

Bảng 3. Thái độ nhận thức của HV trong việc sử dụng TN bằng TA cho việc viết luận

STT	Thái độ nhận thức	N=45	
		M	SD
13	TN bằng TA giúp tôi tiếp thu được nhiều cấu trúc câu hữu ích cho kỹ năng viết	3,60	,751
14	Tôi có thể hiểu được các ý sâu hơn trong các chủ đề viết sau khi đọc các TN	3,53	,757
15	Tôi có thể thu thập được rất nhiều từ và cụm từ hữu ích cho kỹ năng viết của tôi từ những TN	3,80	,842
16	TN cung cấp cho tôi kiến thức nền ở nhiều mảng lĩnh vực xã hội cũng như ý tưởng hay cho các bài viết của tôi	3,60	,863
17	Những bài học được rút ra từ các TN giúp tôi có được tư duy phân biện tốt hơn khi viết	3,69	,763
18	Tôi có thể khai triển ý của bài viết rõ ràng và chặt chẽ hơn sau khi đọc các TN	3,47	,919
Tổng cộng		3,61	,82

Để xem xét chi tiết hơn, trong bảng 3, thứ hạng cao nhất của ĐTB trong lĩnh vực này thuộc về mục 15 ($M = 3,80$; $SD = ,842$), trong đó những người tham gia đồng ý họ có thể thu thập nhiều từ hoặc cụm từ hữu ích từ những câu chuyện ngắn cho bài viết của họ. Một điều quan trọng không kém, hầu hết những người tham gia đều đồng ý rằng bài học từ những câu chuyện ngắn đã giúp họ có tư duy phân biện hơn khi viết (mục 17; $M = 3,69$; $SD = ,763$). Ngoài ra, các em cũng đồng tình rằng TN bằng TA giúp các em tiếp thu các cấu trúc câu hữu ích hơn trong văn viết (mục 13; $M = 3,60$; $SD = ,751$) và TN cung cấp cho các em kiến thức nền tảng trong lĩnh vực xã hội cho bài viết của mình (mục 16; $M = 3,60$; $SD = ,863$). Các em cũng thừa nhận rằng, có thể lĩnh hội sâu sắc các ý, nội dung trong các chủ đề viết sau khi đọc TN (mục 14; $M = 3,53$; $SD = ,757$). Xếp hạng cuối cùng về chỉ số trung bình trong bảng này là ở mục 18; tuy nhiên, hầu hết HV vẫn đồng ý rằng họ có thể trình bày ý tưởng của mình rõ ràng hơn sau khi đọc các TN cho sẵn (mục 18; $M = 3,47$; $SD = ,919$).

Để phân tích sâu hơn các dữ liệu định tính về thái độ nhận thức của HV, hầu hết những người được phỏng vấn đều có nhận xét tích cực cao về việc thu thập hiệu quả các từ và cụm từ mới từ các TN: “*Tôi thường thu thập nhiều từ và cụm từ hữu ích được đưa ra trong các TN và tôi thích sử dụng chúng cho các bài luận của mình hơn khi tôi đọc truyện*” (S3); “*Tôi thu thập rất nhiều từ và cụm từ mới từ các TN. Có rất nhiều tính từ, động từ và danh từ đáng chú ý trong những câu chuyện đó, và chúng cực kỳ hữu ích trong bài viết của tôi*” (S5).

2.3.2. Những nhân tố thúc đẩy người học tiếng Anh trong việc viết văn luận qua các truyện ngắn

- *Động lực bên trong (động lực nội tại)*: Động lực nội tại của người học trong việc viết văn qua TN được đánh giá qua 6 mục, có mức ĐTB từ 3,42 đến 3,82. Điều này có nghĩa là hầu hết những HV đều nhận được xu hướng tích cực của động lực nội tại.

Theo bảng 4, ĐTB cao nhất thuộc về sự thích thú với nội dung và cách kể chuyện từ TN của HV (mục 21; $M = 3,82$; $SD = ,716$). ĐTB đứng thứ hai của động lực nội tại được cung cấp trong mục 19, trong đó HV hầu hết đồng ý rằng đọc TN giúp họ tự chủ tìm kiếm và thu thập thêm nhiều ý tưởng mới ($M = 3,67$; $SD = ,826$). Hơn nữa, họ thừa nhận rằng họ có nhiều kì vọng được nâng cấp trình độ viết sau khi đọc TN (mục 20; $M = 3,62$; $SD = ,886$). Các suy

ngữ khác của HV là họ thích trải nghiệm những điều mới mẻ từ TN (mục 23; $M = 3,58$; $SD = ,866$) và họ có nhiều lựa chọn hơn để phát triển kỹ năng viết của mình (mục 24; $M = 3,58$; $SD = ,839$). Mặc dù nằm ở thứ hạng thấp nhất về ĐTB trong bảng, mục 22 cho thấy rằng hầu hết HV đồng ý rằng họ có thể giảm bớt căng thẳng khi sử dụng TN để viết luận ($M = 3,42$; $SD = ,917$).

Bảng 4. Động lực nội tại của HV TA trong việc viết luận bằng việc sử dụng TN

STT	Động lực bên trong (động lực nội tại)	n=45	
		M	SD
19	Đọc TN giúp tôi tìm và thu thập thêm nhiều ý tưởng hay một cách chủ động và tự nhiên hơn	3,67	,826
20	Tôi thấy mình có nhiều mong đợi hơn nữa trong việc phát triển kỹ năng viết nhờ vào TN	3,62	,886
21	Tôi có được sự thoải mái và thích thú trong mạch nội dung của các câu chuyện	3,82	,716
22	Tôi có thể giảm bớt sự căng thẳng khi luyện viết nhờ vào đọc TN	3,42	,917
23	Tôi thích việc trải nghiệm những điều mới mẻ trong các câu chuyện	3,58	,866
24	Tôi có được nhiều lựa chọn hơn để phát triển kỹ năng viết của tôi	3,58	,839
Tổng cộng		3,62	,84

Liên quan đến dữ liệu thu thập được từ cuộc phỏng vấn, hầu hết những người tham gia đều tiết lộ sự thích thú của họ khi sử dụng TN trong lớp học viết của họ như sau: “*Tôi cảm thấy khá thoải mái và dễ chịu khi sử dụng TN để viết trong lớp. Đó là vì tôi có thể quên đi sự căng thẳng khi viết và tập trung vào mạch truyện, và câu chuyện rất thú vị*” (S4); “*Sử dụng TN giúp tôi trải nghiệm những điều mới mẻ mà các lớp học bình thường không thể làm được, vì vậy tôi cảm thấy rất thoải mái và dễ chịu trong lớp học viết của mình*” (S5).

- Động lực bên ngoài (động lực ngoại sinh): Dữ liệu hiển thị trong bảng 5 thể hiện các yếu tố ngoại sinh thúc đẩy HV sử dụng TN cho kỹ năng viết bài luận của họ. Ngoài ra, nó được đánh giá bởi 6 mục có ĐTB dao động từ 3,31 đến 4,07.

Bảng 5. Động lực ngoại sinh của HV TA trong việc viết luận bằng việc sử dụng TN

STT	Động lực bên ngoài (động lực ngoại sinh)	n=45	
		M	SD
25	Tôi có thể đạt được điểm số cao hơn trong viết luận sau khi sử dụng TN	3,51	,727
26	Tôi có thể tiếp thu được những kỹ năng có giá trị cho việc viết luận	3,64	,773
27	Tôi thích môi trường, không khí của lớp học khi sử dụng TN cho việc viết luận	4,04	,673
28	GV đã giúp cho tôi cảm thấy tự tin hơn nhiều trong việc tương tác và chia sẻ suy nghĩ, ý tưởng qua các câu TN	3,96	,706
29	Tôi có thể hạn chế được những lỗi sai trong kỹ năng viết	4,07	,688
30	Kiến thức nền cũng như trải nghiệm trong mạch chuyện của TN rất có ích với tôi không chỉ trong kỹ năng viết mà còn cho cuộc sống hằng ngày	3,31	,900
Tổng cộng		3,76	,75

Như được mô tả trong bảng, trong số 6 mục ở động lực bên ngoài, ĐTB cao nhất của mục 29 cho thấy, hầu hết HV đồng ý rằng họ có thể giảm số lỗi viết ($M = 4,07$; $SD = ,688$). Ngoài ra, đa số HV thích môi trường của lớp học khi sử dụng TN trong viết luận (mục 27; $M = 4,04$; $SD = ,673$). Các em cũng nhất trí cao rằng GV đã giúp các em tự tin hơn trong việc tương tác và chia sẻ ý tưởng về TN (mục 28; $M = 3,96$; $SD = ,706$). Hơn nữa, HV cũng thừa nhận họ có thể đạt được những kỹ năng quý báu để viết luận (mục 26; $M = 3,64$; $SD = ,773$) và đạt được kết quả tốt hơn trong việc viết bài luận sau khi sử dụng TN (mục 25; $M = 3,51$; $SD = ,727$). Về thứ hạng thấp nhất của ĐTB, mục 30 cho thấy, hầu hết những HV đều có ý kiến trung lập rằng kiến thức nền tảng từ TN có thể hữu ích hơn đối với họ không chỉ trong việc viết luận ($M = 3,31$; $SD = ,900$).

Về dữ liệu định tính, những phát hiện thu thập được từ cuộc phỏng vấn cho thấy lỗi viết của HV có xu hướng giảm dần nhờ vào việc sử dụng TN, và họ có một số ý kiến khách quan như sau: “*Những lỗi về cách dùng từ, ngữ pháp và cách viết ngày càng giảm sau khi tôi đọc TN. Chính vì TN là hình mẫu đáng tin cậy để tôi học hỏi và đối chiếu cách viết của mình, đồng thời tôi có thể nhận ra những lỗi thường gặp trong văn phong của mình*” (S5).

2.4. Thảo luận

2.4.1. Thái độ của người học về việc sử dụng truyện ngắn tiếng Anh trong việc nâng cấp kỹ năng viết luận

Về khía cạnh thái độ đối với việc sử dụng TN bằng TA trong viết luận, kết quả cho thấy, những người tham gia có thái độ tích cực cao và có ba thành phần của thái độ trong bài báo này, đó là tình cảm, hành vi và nhận thức. Về

thái độ tình cảm, hầu hết những người tham gia cảm thấy việc sử dụng TN đã giúp họ viết hiệu quả hơn. Điều này cũng được khẳng định trong nghiên cứu của Oster (1989), trong đó văn học yêu cầu HV phải có logic và kỹ năng viết khéo léo để hỗ trợ họ viết hiệu quả hơn nhiều. Hơn nữa, việc đọc các văn bản văn học, TN, chẳng hạn của nhiều tác giả khác nhau chắc chắn mang lại cho HV nhiều phong cách viết khác nhau; và điều này sẽ trau dồi cho HV và thúc đẩy họ nâng cao phong cách viết của riêng họ.

Về thái độ hành vi, kết quả của nghiên cứu này chỉ ra rằng, hầu hết HV có sự tập trung cao hơn khi đọc TN để nâng cao kỹ năng viết của họ. Phát hiện của nghiên cứu này phù hợp với nghiên cứu của Abrams (1970, tr 158), người đã phát hiện ra một câu chuyện ngắn có thể được đọc trong khoảng thời gian từ nửa giờ đến hai giờ và điều đó được giới hạn ở tác động đơn lẻ mà HV có thể có sự tập trung cao độ. Để thảo luận thêm, Abrams bày tỏ rằng, vì các câu chuyện khá ngắn và mục đích tạo ra một “hiệu ứng duy nhất”, nên thường có một cốt truyện, một vài nhân vật. Ông cũng kết luận rằng mục tiêu của việc sử dụng TN trong giảng dạy TA là để thúc đẩy HV sử dụng những gì họ đã hiểu trước đó để tập trung vào, và vì vậy đó là một hoạt động “lấy HS làm trung tâm”.

Về thái độ nhận thức, nghiên cứu cho thấy, phần lớn những người tham gia có thể thu thập nhiều từ hoặc cụm từ hữu ích từ các câu chuyện ngắn cho bài viết của họ. Phát hiện này phù hợp với nghiên cứu của Ghoorchaei (2016) rằng TN có ý nghĩa rất lớn trong việc phát triển những HV TA trung cấp. Ông cũng khẳng định, là một tác phẩm văn học, TN gây hứng thú cho HV vì họ được thư giãn, nâng cao trải nghiệm tinh thần và nâng cao phạm vi từ vựng của HV. Điều này cũng được khẳng định trong nghiên cứu của Blachowicz & Fisher (2004), họ tiết lộ rằng sử dụng TN là một phương pháp hiệu quả để trau dồi vốn từ vựng trong học TA và những HV đọc nhiều sẽ có được vốn từ vựng phong phú. Điều này cũng phù hợp với phát hiện mà nghiên cứu của Cron (2012) đã đưa ra, kết quả rằng TN tạo điều kiện cho người đọc gia tăng ra trí tưởng tượng của họ để tạo ra những ý tưởng mới và suy luận trước nội dung. Quá trình này có thể kích thích HV hăng hái nâng cao vốn từ vựng của họ để hiểu toàn bộ câu chuyện.

2.4.2. Những nhân tố thúc đẩy người học tiếng Anh trong việc viết văn luận qua các truyện ngắn

Động lực đóng một vai trò rất quan trọng trong việc trau dồi khả năng viết, đặc biệt là trong việc viết luận bằng cách sử dụng các câu chuyện ngắn TA trong nghiên cứu này. Trong lĩnh vực động cơ nội tại, chỉ số trung bình cao nhất thuộc về việc đồng ý rằng HV thích thú với việc kể chuyện. Phát hiện của nghiên cứu này phù hợp với nghiên cứu của Elliot (1990, tr 197), người đã xác nhận rằng văn học, TN, có thể thúc đẩy HV có động lực vui vẻ nếu họ thoải mái tham gia vào mạch cảm xúc và cảm nhận các đặc điểm nghệ thuật của nó. Ông cũng nhấn mạnh bản chất của việc phát triển phản ứng của HS (cá nhân và nhóm) và khả năng tư duy trong văn học. Ngoài ra, một kết quả khác trong nghiên cứu của Vandrick (1997) cho thấy rằng việc sử dụng các văn bản văn học sẽ thúc đẩy HV một cách thú vị để khám phá cảm xúc của chính họ bằng cách trải nghiệm các câu chuyện.

Về động lực bên ngoài, kết quả của nghiên cứu đã khám phá ra sự đồng thuận khá cao của những người tham gia rằng họ có thể giảm số lỗi viết sau khi sử dụng TN. Cùng hướng với nghiên cứu của Oster (1989), phát hiện này cho thấy rằng văn học có thể cung cấp cho HV nhiều cơ hội để viết chính xác hơn. Đó là bởi vì, đối với Oster, TN có thể được áp dụng làm hình mẫu cho các bài viết của HV, và điều này sẽ xảy ra khi các tác phẩm được sử dụng (hoặc gần giống với tác phẩm nghệ thuật) bắt chước phong cách, chủ đề, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp. Hơn nữa, phát hiện của Lazar (1993) cũng hỗ trợ cho quan điểm đã được đề cập, từ đó ông khẳng định rằng TN mang lại lợi ích cao cho HV về các đặc điểm viết của chúng như cấu trúc, thành phần ngữ pháp. Để sử dụng TN làm công cụ giảm thiểu lỗi viết của HV, ông cũng nhấn mạnh rằng GV nên thiết kế cẩn thận các hoạt động viết kết hợp công việc về ngôn ngữ sử dụng được trong TN.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng thái độ của HV bao gồm các thành phần tình cảm, hành vi và nhận thức có ảnh hưởng tích cực chủ yếu đến việc viết luận của họ thông qua việc sử dụng các TN. Ngoài ra, các yếu tố thúc đẩy HV viết luận là động lực bên trong và bên ngoài cũng có kết quả lạc quan. Liên quan đến thái độ của HV đối với việc sử dụng TN trong viết luận, tác động lớn nhất là thái độ tình cảm có ĐTB cao nhất trong số các thành phần trong khi các thành phần hành vi và nhận thức được coi là ít ảnh hưởng hơn đến HV. Liên quan đến các yếu tố thúc đẩy HV TA viết luận qua TN, yếu tố chi phối vượt trội hơn lại thuộc về động lực bên ngoài, trong khi động lực bên trong có ảnh hưởng ít hiệu quả hơn. Những kết quả nghiên cứu gợi ý một số đóng góp thực tiễn cho HV và GV. Trước hết, HV nên nắm được từ vựng, ngữ pháp cơ bản và dấu câu, sau đó ghi chép và trau dồi thêm từ các câu chuyện ngắn. Ngoài ra, trước khi viết bất kỳ bài luận nào, HV cũng nên xây dựng một dàn ý để có thể suy nghĩ các ý chính của mình một cách logic. Đối với GV, nên xây dựng một môi trường học tập hấp dẫn bằng cách sử dụng những câu chuyện ngắn quen thuộc có thể thúc đẩy HV có thể chủ động viết được các bài văn hay. GV

nên cung cấp, hướng dẫn cho HV những kiến thức ngôn ngữ, quy tắc ngữ pháp cũng như kiến thức văn hóa, xã hội có liên quan đến chủ đề trước đó để HV có thể tiếp thu những yếu tố hữu ích nhất từ TN và sau đó sử dụng chúng một cách hiệu quả trong bài viết của họ.

Tài liệu tham khảo

- Abrams, M. H. (1970). *A glossary of literary term*. New York: Rinehart.
- Ansarimoghaddam, S., & Tan, B. H. (2014). Undergraduates' Experiences and Attitudes of Writing in L1 and English. *GEMA Online Journal of Language Studies*, 14(1), 7-28.
- Blachowicz, C., & Fisher, P. (2004). Vocabulary lessons. *Educational leadership*, 61(6), 66-69.
- Bruning, R., & Horn, C. (2000). Developing motivation to write. *Educational Psychologist*, 35, 25-37.
- Cron, L. (2012). *Wired for story: The writer's guide to using brain science to hook readers from the very first sentence*. London: Longman.
- Elliott, J. (1990). Educational research in crisis: Performance indicators and the decline in excellence. *British Educational Research Journal*, 16(1), 186-197.
- Ellis, G., & Brewster, J. (1991). *The Storytelling Handbook for Primary Teacher*. London: Penguin Group.
- Ghoorchaei, B. (2016). The effect of using short stories on vocabulary learning of Iranian EFL learners. *Theory and Practice in Language Studies*, 6(7), 1476-1483.
- Graham, S., & Harris, K. R. (1989). A components analysis of cognitive strategies instruction: Effects on learning disabled students' compositions and self-efficacy. *Journal of Educational Psychology*, 81, 353-361.
- Hasan, K. M., & Akhand, M. M. (2010). Approaches to writing in EFL/ESL context: Balancing Product and Process in Writing Class at Tertiary Level. *Journal of NELTA*, 15(1-2), 77-88.
- Hashemian, M., & Heidari, A. (2013). The relationship between L2 learners' motivation/attitude and success in L2 writing. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 70, 476-489.
- Jenkins, G. D., & Taber, T. D. (1977). A Monte Carlo study of factors affecting three indices of composite scale reliability. *Journal of Applied Psychology*, 62(4), 392-398.
- Kotula, S., Richards, D., & George, S. (2014). Pupils' attitudes towards foreign-language learning and the development of literacy skills in bilingual education. *Teaching and Teacher Education*, 23(2), 226-235.
- Krashen, S. D., & Terrell, T. (1983). *The Natural Approach: Language Acquisition in the Classroom*. Hayward, CA: Alemany Press.
- Lazar, G. (1993). *Literature and Language Teaching*. Cambridge: CUP.
- Leable, V. (2014). *The relationship between writing attitude and spelling capabilities in fourth and fifth grade students (Master's thesis)*. University of Wisconsin–River Falls.
- McKenna, M. C., Kear, D. J., & Ellsworth, R. A. (1995). Children's attitudes toward reading: A national survey. *Reading Research Quarterly*, 30, 934-956.
- Nguyen, H. D. N. (2020). Understanding EFL students' use of listening strategies in watching English captioned movies. *Vietnam Journal of Education*, 4(2), 37-46.
- Oppenheim, A. N. (2001). *Questionnaire design, interviewing and attitude measurement*. London and New York: Continuum.
- Oster, J. (1989). Seeing with different Eyes: Another view of literature in the ESL class. *TESOL Quarterly*, 23(1), 86-104.
- Slatterly, M., & Willis, J. (2001). *English for Primary Teachers*. Oxford: Oxford University Press.
- Vandrick, S. (1997). The role of hidden identities in the postsecondary ESL classroom. *TESOL Quarterly*, 31(1), 153-157.